TÒA ÁN NHÂN DÂN ***H. TÂN PHÚ ĐÔNG*** ***TỈNH TIỀN GIANG***	***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***
Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ	***Tân Phú Đông, ngày 22 tháng 12 năm 2020***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mộng T , sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp Tân N , xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B

- Bị đơn: Anh Trần Minh Th , sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Tân Th1, xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Mộng T về anh Trần Minh Th .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị T về anh Th ***thỏa thuận giao cháu*** Trần Minh Th1, sinh ngày 01/8/2019 ***cho*** chị T ***tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Trần Minh Th2, sinh ngày 29/11/2015 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng.***

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th2. Anh Th và các thành viên trong gia đình anh Th không được ngăn cản.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th1. Chị T và các thành viên trong gia đình chị T không được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh, chị xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: anh, chị xác định không có nợ chung.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49546 ngy 08/10/2020 ***của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, nên hoàn lại cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000đ.***

Anh Th không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau ***khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

Trường hợp quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- UBND xã Tân Ph ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đặng Văn L